

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 639/TTr-STNMT ngày 24/02/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Phương án), chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức công bố Phương án trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông báo tới tổ chức, cá nhân theo Phụ lục đính kèm.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

c) Trên cơ sở Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

d) Tổ chức thực hiện các Phương án nhằm đảm bảo cung cấp nước từ mạng lưới công trình nước sạch nông thôn tại các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất phù hợp với Phương án đã được phê duyệt.

đ) Định kỳ 05 năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, thực hiện việc rà soát Phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng

Căn cứ Phương án đã được phê duyệt, tổ chức thực hiện các Phương án nhằm đảm bảo cung cấp nước từ mạng lưới công trình cấp nước Khu đô thị, Khu công nghiệp tại các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

3. Các Sở: Công Thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai, thực hiện Phương án.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Có trách nhiệm công bố Phương án đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch, lộ trình kiểm tra, xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép; hướng dẫn và giám sát việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước; phối hợp với cơ quan chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép theo quy định.

5. Các đơn vị cấp nước

Đẩy nhanh tiến độ phủ kín mạng lưới cấp nước tập trung tại các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

6. Các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác nước dưới đất

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất của mình theo quy định tại Quyết định này.

b) Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&MT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trang TTĐT - VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Nam



Phụ lục

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất

Căn cứ Điều 34 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước quy định nguyên tắc áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất, cụ thể như sau:

a) Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất; đồng thời, phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất được áp dụng cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực hạn chế nước dưới đất và thứ tự thực hiện đối với từng đối tượng, trường hợp theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP. Không áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất khác với các biện pháp quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

c) Ưu tiên cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai và phòng cháy, chữa cháy.

d) Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo kế hoạch, lộ trình phù hợp được phê duyệt, bảo đảm không gây gián đoạn việc cấp nước, trừ trường hợp sự cố, gây sụt, lún đất hoặc các tình huống khẩn cấp cần phải xử lý, trám lấp giếng để khắc phục sự cố.

đ) Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất mà có liên quan đến trám lấp giếng thì thực hiện theo quy định về xử lý, trám lấp giếng không sử dụng; trường hợp liên quan đến cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

e) Trường hợp phát hiện việc khoanh định vùng hạn chế hoặc áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất không phù hợp với các tiêu chí quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP thì phải tạm dừng việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp đó để rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất

Căn cứ Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 thì tồn tại vùng hạn chế 1 là Khu vực liền kề

ranh mặn tầng chứa nước, theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, các biện pháp hạn chế khai thác trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất như sau:

a) Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản này đối với các công trình hiện có.

b) Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền.

Các trường hợp quy định tại điểm này phải thực hiện việc trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

c) Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký.

d) Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

3. Danh mục công trình trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình thực hiện hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Stt	Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Tầng chứa nước khai thác	Số hiệu điểm điều tra	Số hiệu giếng (theo giấy phép)	Tên công trình	Chủ công trình	Tọa độ VN2000, 105° 30', múi chiếu 3 ⁰		Vị trí địa lý		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Mục đích sử dụng nước chính	Số Giấy phép khai thác	Thời điểm hết hạn của giấy phép khai thác	Biện pháp hạn chế khai thác	Lộ trình thực hiện cho từng biện pháp hạn chế	
								X	Y	Áp/khu phố	Xã/phường /thị trấn						Khai thác đến thời hạn giấy phép (ngày hết hạn)	Được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1. Thị xã Ngã Năm (01 công trình/giếng)																		
1	Vùng hạn chế 1	Khu vực liền kề ranh mặn tầng chứa nước qp ₂₋₃	qp ₂₋₃	NN.30	VT	Hệ cấp nước tập trung Vĩnh Tiên	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Sóc Trăng	1054837	507460	Vĩnh Mỹ	Phường 3	250	Sinh hoạt	93/GP-UBND	15/8/2027	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó	15/8/2027	Không vượt quá lưu lượng nước khai thác 250 m ³ /ngày đêm

Stt	Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Tầng chứa nước khai thác	Số hiệu điểm điều tra	Số hiệu giếng (theo giấy phép)	Tên công trình	Chủ công trình	Tọa độ VN2000, 105° 30', múi chiếu 3°		Vị trí địa lý		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Mục đích sử dụng nước chính	Số Giấy phép khai thác	Thời điểm hết hạn của giấy phép khai thác	Biện pháp hạn chế khai thác	Lộ trình thực hiện cho từng biện pháp hạn chế	
								X	Y	Áp/khu phố	Xã/phường /thị trấn						Khai thác đến thời hạn giấy phép (ngày hết hạn)	Được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
2. Thị xã Vĩnh Châu (01 công trình/giếng)																		
1	Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kề ranh mặn tầng chứa nước qp ₁	qp ₁	VC.44	TT	Trạm cấp nước Hòa Đông	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Sóc Trăng	1040886	563316	Trà Teo	Hòa Đông	1.252	Sinh hoạt	88/GP-UBND	01/6/2027	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó	01/6/2027	Không vượt quá lưu lượng nước khai thác 1.252 m ³ /ngày đêm

Stt	Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Tầng chứa nước khai thác	Số hiệu điểm điều tra	Số hiệu giếng (theo giấy phép)	Tên công trình	Chủ công trình	Tọa độ VN2000, 105° 30', múi chiếu 3°		Vị trí địa lý		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Mục đích sử dụng nước chính	Số Giấy phép khai thác	Thời điểm hết hạn của giấy phép khai thác	Biện pháp hạn chế khai thác	Lộ trình thực hiện cho từng biện pháp hạn chế	
								X	Y	Áp/khu phố	Xã/phường /thị trấn						Khai thác đến thời hạn giấy phép (ngày hết hạn)	Được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3. Huyện Mỹ Xuyên (01 công trình/2 giếng)																		
1	Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kề ranh mặn tầng chứa nước qp ₂₋₃	qp ₂₋₃	MX.20	HT1	Trạm cấp nước Hoà Tú 2	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Sóc Trăng	1036642	542793	Dương Kiếng	Hoà Tú 2	1.040	Sinh hoạt	58/GP-UBND	01/5/2027	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó	01/5/2027	Không vượt quá lưu lượng nước khai thác 1.040 m ³ /ngày đêm
2			qp ₂₋₃	MX.21	HT2			1036642	542804									

Stt	Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Tầng chứa nước khai thác	Số hiệu điểm điều tra	Số hiệu giếng (theo giấy phép)	Tên công trình	Chủ công trình	Tọa độ VN2000, 105° 30', múi chiếu 3 ⁰		Vị trí địa lý		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Mục đích sử dụng nước chính	Số Giấy phép khai thác	Thời điểm hết hạn của giấy phép khai thác	Biện pháp hạn chế khai thác	Lộ trình thực hiện cho từng biện pháp hạn chế	
								X	Y	Áp/khu phố	Xã/phường/thị trấn						Khai thác đến thời hạn giấy phép (ngày hết hạn)	Được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
4. Huyện Thạnh Trị (01 công trình/2 giếng)																		
1	Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kề ranh mặn tầng chứa nước qp2-3	qp2-3	TT.25	VL	Trạm cấp nước Vĩnh Lợi	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Sóc Trăng	1045237	515174	Áp 15	Vĩnh Lợi	720	Sinh hoạt	37/GP-UBND	22/4/2027	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó	22/4/2027	Không vượt quá lưu lượng nước khai thác 720 m ³ /ngày đêm
2			qp2-3	TT.26	VL1			1045226	514168									

Stt	Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Tầng chứa nước khai thác	Số hiệu điểm điều tra	Số hiệu giếng (theo giấy phép)	Tên công trình	Chủ công trình	Tọa độ VN2000, 105° 30', múi chiếu 3°		Vị trí địa lý		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Mục đích sử dụng nước chính	Số Giấy phép khai thác	Thời điểm hết hạn của giấy phép khai thác	Biện pháp hạn chế khai thác	Lộ trình thực hiện cho từng biện pháp hạn chế	
								X	Y	Áp/khu phố	Xã/phường /thị trấn						Khai thác đến thời hạn giấy phép (ngày hết hạn)	Được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

5. Huyện Trần Đề (02 công trình/2 giếng)

1	Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kề ranh mặn tầng chứa nước qp ₂₋₃	qp ₂₋₃	HTĐ.66	TTA	Trạm cấp nước Thạnh Thới An	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Sóc Trăng	1046888	555450	Tiên Cường 1	Thạnh Thới An	1.200	Sinh hoạt	41/GP-UBND	03/5/2027	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó	03/5/2027	Không vượt quá lưu lượng nước khai thác 1.200 m ³ /ngày đêm
---	----------------	---	-------------------	--------	-----	-----------------------------	--	---------	--------	--------------	---------------	-------	-----------	------------	-----------	---	-----------	--

Stt	Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Tầng chứa nước khai thác	Số hiệu điểm điều tra	Số hiệu giếng (theo giấy phép)	Tên công trình	Chủ công trình	Tọa độ VN2000, 105° 30', múi chiếu 3°		Vị trí địa lý		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Mục đích sử dụng nước chính	Số Giấy phép khai thác	Thời điểm hết hạn của giấy phép khai thác	Biện pháp hạn chế khai thác	Lộ trình thực hiện cho từng biện pháp hạn chế	
								X	Y	Áp/khu phố	Xã/phường /thị trấn						Khai thác đến thời hạn giấy phép (ngày hết hạn)	Được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
2	Vùng hạn chế 1	Khu vực liền kề ranh mặn tầng chứa nước qp ₂₋₃	qp ₂₋₃	HTĐ.62	MO1	Trạm cấp nước Mỏ Ó	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Sóc Trăng	1044701	574895	Mỏ Ó	Trung Bình	1.440	Sinh hoạt	49/GP-UBND	01/5/2027	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó	01/5/2027	Không vượt quá lưu lượng nước khai thác 1.440 m ³ /ngày đêm